

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K5 NĂM 2015

Tháng 11 năm 2015

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.700*10%)	Thành tiền	Ghi chú
101	3 Lào	1275	1305	30	12.870	386.100	
102	4 Lào	964	1004	40	12.870	514.800	
103	4 Lào	1370	1494	124	12.870	1.595.880	
104	8	547	559	12	12.870	154.440	
105	Phòng trực	470	480		12.870		
106	8	667	694	27	12.870	347.490	
107	P SHC	207			12.870	0	
108					12.870	0	
109	8	929	952	23	12.870	296.010	
110	8	1119	1133	14	12.870	180.180	
111	8	638	646	8	12.870	102.960	
112	8	703	716	13	12.870	167.310	
113	8	639	653	14	12.870	180.180	
114	8	610	638	28	12.870	360.360	
201	8	1018	1036	18	12.870	231.660	
202	8	1203	1226	23	12.870	296.010	
203	8	891	909	18	12.870	231.660	
204	8	1193	1220	27	12.870	347.490	
205	6	1156	1171	15	12.870	193.050	
206	8	1070	1094	24	12.870	308.880	
207	8	939	972	33	12.870	424.710	
208	8	1043	1066	23	12.870	296.010	
209	8	1162	1182	20	12.870	257.400	
210	8	654	665	11	12.870	141.570	
211	6	878	894	16	12.870	205.920	
212	8	918	946	28	12.870	360.360	
213	8	995	1009	14	12.870	180.180	
214	8	830	856	26	12.870	334.620	
301	8	751	765	14	12.870	180.180	
302	7	703	724	21	12.870	270.270	
303	5	891	907	16	12.870	205.920	
304	8	846	863	17	12.870	218.790	
305	8	825	841	16	12.870	205.920	
306	8	994	1033	39	12.870	501.930	
307	P SHC				12.870	0	
308					12.870	0	
309	8	806	827	21	12.870	270.270	
310	8	766	787	21	12.870	270.270	

311	8		866	886	20	12.870	257.400	
312	8		747	771	24	12.870	308.880	
313	8		593	612	19	12.870	244.530	
314	8		722	737	15	12.870	193.050	
401	8		763	785	22	12.870	283.140	
402	8		946	977	31	12.870	398.970	
403	8		744	764	20	12.870	257.400	
404	2	Lào	861	881	20	12.870	257.400	
405	8		663	679	16	12.870	205.920	
406	8		853	858	5	12.870	64.350	
407	8		652	673	21	12.870	270.270	
408	8		690	714	24	12.870	308.880	
409	8		535	550	15	12.870	193.050	
410	7		558	561	3	12.870	38.610	
411	8		571	583	12	12.870	154.440	
412	8		585	606	21	12.870	270.270	
413	8		1036	1052	16	12.870	205.920	
414	8		859	878	19	12.870	244.530	
501	8		395			12.870	0	
502	8		472	483	11	12.870	141.570	
503	0		640			12.870	0	
504	8		474	484	10	12.870	128.700	
505	8		325	332	7	12.870	90.090	
506	7		335	347	12	12.870	154.440	
507	8		629	640	11	12.870	141.570	
508	8		398	405	7	12.870	90.090	
509	8		512	528	16	12.870	205.920	
510	8		287			12.870	0	
511	8		612	630	18	12.870	231.660	
512	8		587	604	17	12.870	218.790	
513	8		376	394	18	12.870	231.660	
514	8		285	299	14	12.870	180.180	
Cộng	483				1.258		16.190.460	

(Bằng chữ: Mười sáu triệu một trăm chín mươi nghìn bốn trăm sáu mươi đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KÝ TÚC XÁ

NGƯỜI ĐỌC SỐ

NGƯỜI LẬP



ThS. Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Dương Văn Thanh

Trần Thị Hà